

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-11-2022
V/v “tranh chấp HNGĐ về ly hôn, nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc.
2. Bà Lê Thị Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc Kim S, sinh năm: 1989. Địa chỉ: XX, Đ, Phường XX, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Minh P, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Chị S và anh P có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Kim S trình bày:

Chị và anh P tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường XX, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, trong vấn đề tiền bạc, ngoài ra anh P nghe lời bạn bè ăn chơi, không quan tâm chăm sóc gia đình nên chị và anh P thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 11/2020 đến nay nhưng không hàn gắn được. Nay thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là Lê Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/01/2017 và Lê Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 13/11/2020; hiện đang sống với chị. Khi ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi hai con và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, với mức cấp dưỡng cho mỗi bé là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh P không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2022 bị đơn anh Lê Minh P đã trình bày:

Về cơ sở hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị S. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2019 thì anh về quê ở xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh sống và đi làm, chị S vẫn sống tại nhà cha mẹ ruột ở Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó chị S cũng về sống với gia đình bên anh được gần 1 năm thì quay về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, trong vấn đề tiền bạc, nên anh và chị S thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Xét thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh đồng ý ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh và chị S có 02 con chung là Lê Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/01/2017 và Lê Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 13/11/2020, hiện đang sống với chị S. Nay ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con, với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi bé, cho đến khi cháu L và cháu Q đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị S không có nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết, chị S và anh P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83, 107, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh P.

Về con chung: giao cháu Lê Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/01/2017 và Lê Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 13/11/2020 cho chị S nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho mỗi bé, cho đến khi cháu L và cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Chị S và anh P trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Kim S và anh Lê Minh P phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P, có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, chị S và anh P có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị S và anh P.

[2] Về hôn nhân: Chị S và anh P kết hôn vào năm 2016, được UBND Phường XX, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 122 ngày 06/7/2016 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị S và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, trong vấn đề tiền bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau; ly thân từ tháng 11/2020 đến nay, vợ chồng không hàn gắn, đoàn tụ được.

Qua làm việc anh P cũng đồng ý ly hôn, đồng thời anh P và chị S có đơn xin xét xử vắng mặt cho thấy anh chị không có ý muốn hàn gắn, đoàn tụ, quan hệ hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh P là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị S và anh P thống nhất có 02 con chung tên Lê Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/01/2017 và Lê Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 13/11/2020 hiện đang sống với chị S. Xét thấy, trong thời gian hai vợ chồng không còn chung sống với nhau, chị S đã nuôi con tốt, bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho con; anh P cũng đồng ý giao hai con chung cho chị S nuôi nên xét thấy tiếp tục giao cháu L và cháu Q cho chị S nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị S yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, với mức cấp dưỡng cho mỗi bé là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Qua làm việc, anh P cũng đồng ý cấp dưỡng và mức cấp dưỡng như chị S yêu cầu nên ghi nhận.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị S và thành viên gia đình không được cản trở anh P thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh P không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Kim S và anh Lê Minh P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Kim S đối với anh Lê Minh P. Chị S được ly hôn với anh P.

2. Về con chung: Chị S và anh P có 02 con chung tên Lê Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 14/01/2017 và Lê Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 13/11/2020. Giao cháu L và cháu Q cho chị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 2.000.000 (hai

triệu) đồng cho mỗi bé, cho đến khi cháu L và cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/11/2022).

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị S và thành viên gia đình không được cản trở anh P thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị S và anh P trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Kim S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0022829 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Lê Minh P chịu 300.000 đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Ngọc Kim S và anh Lê Minh P có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND P 10, Q Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thúy An